

SỞ Y TẾ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**BỆNH VIỆN NGUYỄN TRÃI**  
Số: 2062/QĐ-BVNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mức giá dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu  
áp dụng tại bệnh viện Nguyễn Trãi

### GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN NGUYỄN TRÃI

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;  
Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 21/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế quy  
định phương pháp định giá khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế về ban  
hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 2850/QĐ-SYT ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Sở Y tế thành  
phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của bệnh viện  
Nguyễn Trãi thuộc Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân TPHCM về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 – 2025 đối với  
Bệnh viện Nguyễn Trãi;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xây dựng giá dịch vụ theo yêu cầu ngày 27 tháng  
12 năm 2024.

Căn cứ tờ trình của Phòng TCKT về bảng giá dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu  
cầu áp dụng tại bệnh viện đã được Ban Giám đốc phê duyệt

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Ban hành bảng giá dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại  
Bệnh viện Nguyễn Trãi theo danh mục đính kèm

Nếu người bệnh có thẻ BHYT chỉ phải thanh toán phần chênh lệch giữa mức giá  
dịch vụ theo yêu cầu với giá BHYT chi trả (ngoài phần đồng chi trả theo quy định)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

**Điều 3.** Ban Giám đốc, các khoa, phòng chức năng có liên quan chịu trách nhiệm  
thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: TCCB.

GIÁM ĐỐC   
  
Luach Thanh Hùng

**DANH MỤC DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH THEO YÊU CẦU TẠI BỆNH VIỆN NGUYỄN TRÃI**

| STT | TÊN DỊCH VỤ                                                                                       | ĐVT  | ĐƠN GIÁ   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----------|
| 1   | Khám VIP                                                                                          | Lần  | 500.000   |
| 2   | Khám theo yêu cầu                                                                                 | Lần  | 150.000   |
| 3   | Khám thứ 7, CN                                                                                    | Lần  | 150.000   |
| 4   | Khám chuyên khoa Y học gia đình                                                                   | Lần  | 250.000   |
| 5   | Giường bệnh có máy ĐHNĐ ( 4 giường/ phòng)                                                        | Ngày | 450.000   |
| 6   | Giường bệnh ICU, CCHH, CCTM (phòng 1 giường )                                                     | Ngày | 1.500.000 |
| 7   | Giường bệnh ICU, CCHH, CCTM (phòng 2 giường)                                                      | Ngày | 1.200.000 |
| 8   | Giường bệnh có máy ĐHNĐ, tủ lạnh, truyền hình cáp, máy nước nóng (2giường/phòng)                  | Ngày | 700.000   |
| 9   | Giường bệnh có máy ĐHNĐ, tủ lạnh, truyền hình cáp (2giường/phòng)                                 | Ngày | 650.000   |
| 10  | Giường bệnh có máy ĐHNĐ, hệ thống oxy hút đàm âm tường ( 3giường/ phòng)                          | Ngày | 550.000   |
| 11  | Giường bệnh có máy ĐHNĐ ( 3 giường/ phòng)                                                        | Ngày | 500.000   |
| 12  | Phòng 2 giường có máy ĐHNĐ, máy nước nóng, tivi, tủ lạnh, oxy-hút đàm âm tường (HSCC-CĐ)          | Ngày | 2.000.000 |
| 13  | Phòng 3 giường có máy ĐHNĐ, máy nước nóng, tivi, tủ lạnh, oxy-hút đàm âm tường (HSCC-CĐ)          | Ngày | 1.500.000 |
| 14  | Phòng 4 giường có máy ĐHNĐ, máy nước nóng, tivi, tủ lạnh, oxy-hút đàm âm tường (HSCC-CĐ)          | Ngày | 1.200.000 |
| 15  | Phòng 2 giường có máy ĐHNĐ, máy nước nóng, tivi, tủ lạnh, oxy-hút đàm âm tường (Khu điều trị KTC) | Ngày | 1.500.000 |
| 16  | Phòng 3 giường có máy ĐHNĐ, máy nước nóng, tivi, tủ lạnh, oxy-hút đàm âm tường (Khu điều trị KTC) | Ngày | 1.200.000 |

|    |                                                                                                                  |      |           |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----------|
| 17 | Phòng 4 giường có máy ĐHND, máy nước nóng, tivi, tủ lạnh, oxy-hút đàm âm tường (Khu điều trị KTC)                | Ngày | 700.000   |
| 18 | Phòng 1 giường có máy ĐHND, máy nước nóng, tivi, tủ lạnh, oxy-hút đàm âm tường (VIP)                             | Ngày | 2.000.000 |
| 19 | Phòng 2 giường có máy ĐHND, máy nước nóng, tivi, tủ lạnh, oxy-hút đàm âm tường (VIP)                             | Ngày | 1.000.000 |
| 20 | Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]                             | Lần  | 1.132.000 |
| 21 | Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang]                       | Lần  | 822.000   |
| 22 | Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]                             | Lần  | 2.200.000 |
| 23 | Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]                       | Lần  | 1.700.000 |
| 24 | Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)                                          | Lần  | 1.132.000 |
| 25 | Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                                         | Lần  | 2.200.000 |
| 26 | Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)                                       | Lần  | 822.000   |
| 27 | Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                                      | Lần  | 1.700.000 |
| 28 | Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)                                        | Lần  | 1.132.000 |
| 29 | Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                                       | Lần  | 2.200.000 |
| 30 | Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)                                     | Lần  | 822.000   |
| 31 | Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                                    | Lần  | 1.700.000 |
| 32 | Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)                                   | Lần  | 1.132.000 |
| 33 | Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                                  | Lần  | 2.200.000 |
| 34 | Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)                                | Lần  | 822.000   |
| 35 | Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                               | Lần  | 1.700.000 |
| 36 | Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo (từ 1-32 dãy)                        | Lần  | 1.132.000 |
| 37 | Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang] | Lần  | 2.200.000 |
| 38 | Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ - chậu (từ 1-32 dãy)                                                          | Lần  | 1.132.000 |

|    |                                                                                                                               |     |           |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------|
| 39 | Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ - chậu (từ 64-128 dãy)                                                                     | Lần | 2.200.000 |
| 40 | Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 1- 32 dãy)                                                                        | Lần | 1.132.000 |
| 41 | Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 64-128 dãy)                                                                       | Lần | 2.200.000 |
| 42 | Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ 1- 32 dãy)                                                                            | Lần | 1.132.000 |
| 43 | Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ 64-128 dãy)                                                                           | Lần | 2.200.000 |
| 44 | Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim (từ 1- 32 dãy)                                                                       | Lần | 1.132.000 |
| 45 | Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim (từ 64-128 dãy)                                                                      | Lần | 2.200.000 |
| 46 | Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật (từ 1-32 dãy [có thuốc cản quang]                                             | Lần | 1.132.000 |
| 47 | Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]                                          | Lần | 2.200.000 |
| 48 | Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]   | Lần | 1.132.000 |
| 49 | Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang] | Lần | 2.200.000 |
| 50 | Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]                                               | Lần | 1.132.000 |
| 51 | Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang]                                         | Lần | 822.000   |
| 52 | Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]                                             | Lần | 2.200.000 |
| 53 | Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]                                       | Lần | 1.700.000 |
| 54 | Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp (từ 1- 32 dãy)                                                   | Lần | 1.132.000 |
| 55 | Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)                                                   | Lần | 1.132.000 |
| 56 | Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                                                  | Lần | 2.200.000 |
| 57 | Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)                                                | Lần | 822.000   |
| 58 | Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                                               | Lần | 1.700.000 |
| 59 | Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)                                                         | Lần | 1.132.000 |
| 60 | Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                                                        | Lần | 2.200.000 |
| 61 | Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)                                                      | Lần | 822.000   |

|    |                                                                                                                                                              |     |           |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------|
| 62 | Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                                                                                    | Lần | 1.700.000 |
| 63 | Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 1-32 dãy)                                                                                                         | Lần | 1.132.000 |
| 64 | Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 64-128 dãy)                                                                                                       | Lần | 2.200.000 |
| 65 | Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ 1-32 dãy)                                                                                                         | Lần | 1.132.000 |
| 66 | Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ 64-128 dãy)                                                                                                       | Lần | 2.200.000 |
| 67 | Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản (từ 1- 32 dãy) [không có thuốc cản quang]                                                                       | Lần | 822.000   |
| 68 | Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]                                                                      | Lần | 1.700.000 |
| 69 | Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 1- 32 dãy) [không có thuốc cản quang]                                                                         | Lần | 822.000   |
| 70 | Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]                                                                        | Lần | 1.700.000 |
| 71 | Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]                                                                 | Lần | 1.132.000 |
| 72 | Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]                                                               | Lần | 2.200.000 |
| 73 | Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang]                                                        | Lần | 822.000   |
| 74 | Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]                                                      | Lần | 1.700.000 |
| 75 | Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion) (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]                                                   | Lần | 1.132.000 |
| 76 | Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion) (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]                                                 | Lần | 2.200.000 |
| 77 | Chụp cắt lớp vi tính tạng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]             | Lần | 1.132.000 |
| 78 | Chụp cắt lớp vi tính tạng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) (từ 64-128 dãy)                                | Lần | 2.200.000 |
| 79 | Chụp cắt lớp vi tính tạng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang] | Lần | 1.132.000 |

|    |                                                                                                                                                                                           |     |           |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------|
| 80 | Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang]                        | Lần | 822.000   |
| 81 | Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]                            | Lần | 2.200.000 |
| 82 | Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]                      | Lần | 1.700.000 |
| 83 | Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]         | Lần | 1.132.000 |
| 84 | Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]       | Lần | 2.200.000 |
| 85 | Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang] | Lần | 1.700.000 |
| 86 | Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành (từ 1- 32 dãy) [không có thuốc cản quang]                                                                                                | Lần | 822.000   |
| 87 | Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]                                                                                               | Lần | 1.700.000 |
| 88 | Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)                                                                                                                     | Lần | 1.132.000 |
| 89 | Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                                                                                                                    | Lần | 2.200.000 |
| 90 | Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)                                                                                                                  | Lần | 822.000   |
| 91 | Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)                                                                                                                                 | Lần | 1.132.000 |
| 92 | Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                                                                                                                               | Lần | 2.200.000 |
| 93 | Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)                                                                                                                              | Lần | 822.000   |
| 94 | Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                                                                                                                            | Lần | 1.700.000 |

|     |                                                                                            |     |           |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------|
| 95  | Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang]                 | Lần | 822.000   |
| 96  | Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]               | Lần | 1.700.000 |
| 97  | Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang]   | Lần | 822.000   |
| 98  | Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang] | Lần | 1.700.000 |
| 99  | Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)                          | Lần | 1.132.000 |
| 100 | Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                        | Lần | 2.200.000 |
| 101 | Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]                                       | Lần | 1.132.000 |
| 102 | Chụp CLVT hốc mắt (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]                                     | Lần | 2.200.000 |
| 103 | Chụp CLVT hốc mắt (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]                               | Lần | 1.700.000 |
| 104 | Chụp CLVT mạch máu não (từ 1-32 dãy)                                                       | Lần | 1.132.000 |
| 105 | Chụp CLVT mạch máu não (từ 64-128 dãy)                                                     | Lần | 2.200.000 |
| 106 | Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]                        | Lần | 1.132.000 |
| 107 | Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]                      | Lần | 2.200.000 |
| 108 | Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)                                     | Lần | 1.132.000 |
| 109 | Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                                   | Lần | 2.200.000 |
| 110 | Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)                                  | Lần | 822.000   |
| 111 | Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                                | Lần | 1.700.000 |
| 112 | Chụp CLVT tai - xương đá có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)                             | Lần | 1.132.000 |
| 113 | Chụp CLVT tai - xương đá có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)                           | Lần | 2.200.000 |
| 114 | Chụp CLVT tai - xương đá không tiêm thuốc (từ 1-32 dãy)                                    | Lần | 822.000   |

|     |                                                                                                |     |           |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------|
| 115 | Chụp CLVT tai - xương đá không tiêm thuốc (từ 64-128 dãy)                                      | Lần | 1.700.000 |
| 116 | Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion) (từ 64-128 dãy)                                          | Lần | 2.200.000 |
| 117 | Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản đặc hiệu (1.5T)                                | Lần | 2.500.000 |
| 118 | Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản không đặc hiệu (1.5T)                          | Lần | 2.500.000 |
| 119 | Chụp cộng hưởng từ bệnh lý cơ tim có tiêm thuốc tương phản                                     | Lần | 2.500.000 |
| 120 | Chụp cộng hưởng từ bìa, dương vật (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]                        | Lần | 2.000.000 |
| 121 | Chụp cộng hưởng từ bìa, dương vật có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)                           | Lần | 2.500.000 |
| 122 | Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]                           | Lần | 2.000.000 |
| 123 | Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản (0.2-1.5T)                                   | Lần | 2.500.000 |
| 124 | Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]                         | Lần | 2.000.000 |
| 125 | Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản (0.2-1.5T)                                 | Lần | 2.500.000 |
| 126 | Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]             | Lần | 2.000.000 |
| 127 | Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản (0.2-1.5T)                     | Lần | 2.500.000 |
| 128 | Chụp cộng hưởng từ dây thần kinh ngoại biên (neurography MR) (1.5T) [không có chất tương phản] | Lần | 2.000.000 |
| 129 | Chụp cộng hưởng từ đáy sọ và xương đá (0.2-1.5T) [có chất tương phản]                          | Lần | 2.500.000 |

|     |                                                                                                         |     |           |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------|
| 130 | Chụp cộng hưởng từ động học sàn chậu, tổng phân (defecography-MR) (0.2-1.5T) [không có chất tương phản] | Lần | 2.000.000 |
| 131 | Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới (1.5T) [không có chất tương phản]                                 | Lần | 2.000.000 |
| 132 | Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới có tiêm tương phản (1.5T)                                         | Lần | 2.500.000 |
| 133 | Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên (1.5T) [không có chất tương phản]                                 | Lần | 2.000.000 |
| 134 | Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên có tiêm tương phản (1.5T)                                         | Lần | 2.500.000 |
| 135 | Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ - chậu (1.5T) [có chất tương phản]                                     | Lần | 2.500.000 |
| 136 | Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ - ngực (1.5T) [có chất tương phản]                                     | Lần | 2.500.000 |
| 137 | Chụp cộng hưởng từ động mạch vành (1.5T) [có chất tương phản]                                           | Lần | 2.500.000 |
| 138 | Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)                                        | Lần | 2.500.000 |
| 139 | Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)                                     | Lần | 2.000.000 |
| 140 | Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]                  | Lần | 2.000.000 |
| 141 | Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)                     | Lần | 2.500.000 |
| 142 | Chụp cộng hưởng từ khớp (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]                                           | Lần | 2.000.000 |
| 143 | Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản nội khớp (0.2-1.5T)                                          | Lần | 2.500.000 |
| 144 | Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch (0.2-1.5T)                                         | Lần | 2.500.000 |
| 145 | Chụp cộng hưởng từ khuếch tán (DWI - Diffusion-weighted Imaging) (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]  | Lần | 2.000.000 |

|     |                                                                                                                                                      |     |           |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------|
| 146 | Chụp cộng hưởng từ lồng ngực (0.2-1.5T)<br>[không có chất tương phản]                                                                                | Lần | 2.000.000 |
| 147 | Chụp cộng hưởng từ lồng ngực có tiêm chất<br>tương phản (0.2-1.5T)                                                                                   | Lần | 2.500.000 |
| 148 | Chụp cộng hưởng từ não- mạch não có tiêm<br>chất tương phản (0.2-1.5T)                                                                               | Lần | 2.500.000 |
| 149 | Chụp cộng hưởng từ não- mạch não không<br>tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)                                                                            | Lần | 2.000.000 |
| 150 | Chụp cộng hưởng từ nội soi ảo khung đại<br>tràng (virtual colonoscopy) (0.2-1.5T) [có<br>chất tương phản]                                            | Lần | 2.500.000 |
| 151 | Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi (0.2-1.5T)<br>[không có chất tương phản]                                                                             | Lần | 2.000.000 |
| 152 | Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi có tiêm<br>tương phản (0.2-1.5T)                                                                                     | Lần | 2.500.000 |
| 153 | Chụp cộng hưởng từ ruột non (enteroclysis)<br>(0.2-1.5T) [có chất tương phản]                                                                        | Lần | 2.500.000 |
| 154 | Chụp cộng hưởng từ sọ não (0.2-1.5T) [không<br>có chất tương phản]                                                                                   | Lần | 2.000.000 |
| 155 | Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất<br>tương phản (0.2-1.5T)                                                                                      | Lần | 2.500.000 |
| 156 | Chụp cộng hưởng từ tăng bụng có tiêm chất<br>tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan -<br>mật, tụy, lách, thận, dạ dày - tá tràng...) (0.2-<br>1.5T) | Lần | 2.500.000 |
| 157 | Chụp cộng hưởng từ tăng bụng không tiêm<br>chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ<br>gan - mật, tụy, lách, thận, dạ dày - tá tràng...) (0.2-1.5T)  | Lần | 2.000.000 |
| 158 | Chụp cộng hưởng từ tăng trên ổ bụng có khảo<br>sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy,<br>lách và mạch khối u) (1.5T) [có chất tương<br>phản]     | Lần | 2.500.000 |
| 159 | Chụp cộng hưởng từ tim (1.5T) [có chất<br>tương phản]                                                                                                | Lần | 2.500.000 |
| 160 | Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá các bệnh lý<br>tim bẩm sinh [có chất tương phản]                                                                     | Lần | 2.500.000 |
| 161 | Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá các bệnh lý<br>tim bẩm sinh có tiêm thuốc tương phản                                                                 | Lần | 2.500.000 |
| 162 | Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá khuếch tán<br>sức căng (DTI - Diffusion Tensor Imaging)<br>[có chất tương phản]                                      | Lần | 2.500.000 |

|     |                                                                                                                                                                                            |     |           |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------|
| 163 | Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch (1.5T) [không có chất tương phản]                                                                                                                             | Lần | 2.000.000 |
| 164 | Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch có tiêm tương phản (1.5T)                                                                                                                                     | Lần | 2.500.000 |
| 165 | Chụp cộng hưởng từ tuyến tiền liệt có tiêm tương phản (0.2-1.5T)                                                                                                                           | Lần | 2.500.000 |
| 166 | Chụp cộng hưởng từ tuyến vú (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]                                                                                                                          | Lần | 2.000.000 |
| 167 | Chụp cộng hưởng từ tuyến vú động học có tiêm tương phản (0.2-1.5T)                                                                                                                         | Lần | 2.500.000 |
| 168 | Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản (khảo sát động học) (0.2-1.5T)                                                                                                        | Lần | 2.500.000 |
| 169 | Chụp cộng hưởng từ tưới máu não (perfusion) (0.2-1.5T) [có chất tương phản]                                                                                                                | Lần | 2.500.000 |
| 170 | Chụp cộng hưởng từ thông khí phổi (Heli) (0.2-1.5T) [có chất tương phản]                                                                                                                   | Lần | 2.500.000 |
| 171 | Chụp cộng hưởng từ vùng chậu (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung - phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...) (0.2-1.5T) [không có chất tương phản] | Lần | 2.000.000 |
| 172 | Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung - phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...) (0.2-1.5T)    | Lần | 2.500.000 |
| 173 | Chụp cộng hưởng từ vùng chậu dò hậu môn (0.2-1.5T) [có chất tương phản]                                                                                                                    | Lần | 2.500.000 |
| 174 | Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]                                                                                                                     | Lần | 2.000.000 |
| 175 | Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ có tiêm tương phản (0.2-1.5T)                                                                                                                             | Lần | 2.500.000 |
| 176 | Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]                                                                                                                | Lần | 2.000.000 |
| 177 | Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương có tiêm tương phản (0.2-1.5T)                                                                                                                        | Lần | 2.500.000 |
| 178 | Chụp động mạch vành                                                                                                                                                                        | Lần | 8.500.000 |
| 179 | Chụp X-quang Blondeau [số hóa 2 phim]                                                                                                                                                      | Lần | 120.000   |

|     |                                                                     |     |         |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----|---------|
| 180 | Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim] | Lần | 80.000  |
| 181 | Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 2 phim] | Lần | 120.000 |
| 182 | Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 1 phim]                      | Lần | 80.000  |
| 183 | Chụp X-quang cột sống cổ chéch hai bên [số hóa 1 phim]              | Lần | 80.000  |
| 184 | Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]              | Lần | 80.000  |
| 185 | Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]        | Lần | 80.000  |
| 186 | Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch [số hóa 1 phim] | Lần | 80.000  |
| 187 | Chụp X-quang cột sống thắt lưng chéch hai bên [số hóa 1 phim]       | Lần | 80.000  |
| 188 | Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze [số hóa 1 phim]             | Lần | 80.000  |
| 189 | Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập uốn [số hóa 1 phim]       | Lần | 80.000  |
| 190 | Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 1 phim] | Lần | 80.000  |
| 191 | Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]       | Lần | 80.000  |
| 192 | Chụp X-quang Chausse III [số hóa 1 phim]                            | Lần | 80.000  |
| 193 | Chụp X-quang đỉnh phổi uốn [số hóa 1 phim]                          | Lần | 80.000  |
| 194 | Chụp X-quang hàm chéch một bên [số hóa 1 phim]                      | Lần | 80.000  |
| 195 | Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim]              | Lần | 80.000  |
| 196 | Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]                  | Lần | 80.000  |

|     |                                                                  |     |         |
|-----|------------------------------------------------------------------|-----|---------|
| 197 | Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên [số hóa 3 phim]   | Lần | 145.000 |
| 198 | Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]   | Lần | 80.000  |
| 199 | Chụp X-quang khớp háng nghiêng [số hóa 1 phim]                   | Lần | 80.000  |
| 200 | Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [số hóa 1 phim]             | Lần | 80.000  |
| 201 | Chụp X-quang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle) [số hóa 1 phim]   | Lần | 80.000  |
| 202 | Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim] | Lần | 80.000  |
| 203 | Chụp X-quang khớp thái dương hàm [số hóa 1 phim]                 | Lần | 80.000  |
| 204 | Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo [số hóa 1 phim]              | Lần | 80.000  |
| 205 | Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]          | Lần | 80.000  |
| 206 | Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 1 phim]                      | Lần | 80.000  |
| 207 | Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 2 phim]                      | Lần | 120.000 |
| 208 | Chụp X-quang khung chậu thẳng [số hóa 1 phim]                    | Lần | 80.000  |
| 209 | Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]                   | Lần | 80.000  |
| 210 | Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao [số hóa 1 phim]               | Lần | 80.000  |
| 211 | Chụp X-quang mòm trâm [số hóa 1 phim]                            | Lần | 80.000  |
| 212 | Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên [số hóa 1 phim]      | Lần | 80.000  |
| 213 | Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim]                          | Lần | 80.000  |
| 214 | Chụp X-quang phim cắn (Occlusal)                                 | Lần | 80.000  |
| 215 | Chụp X-quang Schuller [số hóa 1 phim]                            | Lần | 80.000  |
| 216 | Chụp X-quang sọ tiếp tuyến [số hóa 1 phim]                       | Lần | 80.000  |

|     |                                                                            |     |            |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 217 | Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [số hóa 1 phim]                              | Lần | 80.000     |
| 218 | Chụp X-quang Stenvers [số hóa 1 phim]                                      | Lần | 80.000     |
| 219 | Chụp X-quang tại giường                                                    | Lần | 80.000     |
| 220 | Chụp X-quang tại phòng mổ                                                  | Lần | 80.000     |
| 221 | Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng [số hóa 3 phim]                        | Lần | 145.000    |
| 222 | Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]                    | Lần | 80.000     |
| 223 | Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]   | Lần | 80.000     |
| 224 | Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim] | Lần | 80.000     |
| 225 | Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [số hóa 1 phim]           | Lần | 80.000     |
| 226 | Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]                  | Lần | 80.000     |
| 227 | Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]                 | Lần | 80.000     |
| 228 | Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]                  | Lần | 80.000     |
| 229 | Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]        | Lần | 80.000     |
| 230 | Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]         | Lần | 80.000     |
| 231 | Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến [số hóa 1 phim]       | Lần | 80.000     |
| 232 | Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chéo [số hóa 1 phim]                     | Lần | 80.000     |
| 233 | Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]                       | Lần | 80.000     |
| 234 | Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]                       | Lần | 80.000     |
| 235 | Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 1 phim]                       | Lần | 80.000     |
| 236 | Chụp, nong và đặt stent động mạch vành                                     | Lần | 11.000.000 |
| 237 | Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm                   | Lần | 200.000    |
| 238 | Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)                                    | Lần | 150.000    |
| 239 | Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA [2 vị trí]                           | Lần | 210.000    |
| 240 | Đo vận tốc lan truyền sóng mạch                                            | Lần | 150.000    |

|     |                                                                             |     |            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 241 | Holter điện tâm đồ                                                          | Lần | 450.000    |
| 242 | Holter huyết áp                                                             | Lần | 450.000    |
| 243 | Nong và đặt stent động mạch vành                                            | Lần | 11.000.000 |
| 244 | Siêu âm các khối u phổi ngoại vi                                            | Lần | 90.000     |
| 245 | Siêu âm các tuyến nước bọt                                                  | Lần | 90.000     |
| 246 | Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt                                             | Lần | 90.000     |
| 247 | Siêu âm doppler các khối u trong ổ bụng                                     | Lần | 120.000    |
| 248 | Siêu âm doppler dương vật                                                   | Lần | 120.000    |
| 249 | Siêu âm doppler gan lách                                                    | Lần | 120.000    |
| 250 | Siêu âm doppler hốc mắt                                                     | Lần | 120.000    |
| 251 | Siêu âm doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên                            | Lần | 120.000    |
| 252 | Siêu âm doppler tuyến vú                                                    | Lần | 120.000    |
| 253 | Siêu âm doppler tử cung phần phụ                                            | Lần | 120.000    |
| 254 | Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng                         | Lần | 120.000    |
| 255 | Siêu âm doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)      | Lần | 120.000    |
| 256 | Siêu âm doppler u tuyến, hạch vùng cổ                                       | Lần | 120.000    |
| 257 | Siêu âm dương vật                                                           | Lần | 90.000     |
| 258 | Siêu âm đàn hồi mô vú                                                       | Lần | 120.000    |
| 259 | Siêu âm đàn hồi nhu mô tuyến giáp                                           | Lần | 120.000    |
| 260 | Siêu âm hạch vùng cổ                                                        | Lần | 90.000     |
| 261 | Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến) | Lần | 90.000     |
| 262 | Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)                                 | Lần | 90.000     |
| 263 | Siêu âm khớp (một vị trí)                                                   | Lần | 90.000     |
| 264 | Siêu âm màng phổi                                                           | Lần | 90.000     |
| 265 | Siêu âm ổ bụng                                                              | Lần | 90.000     |
| 266 | Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)                       | Lần | 90.000     |

|     |                                                                    |     |            |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 267 | Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)                 | Lần | 90.000     |
| 268 | Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)                     | Lần | 90.000     |
| 269 | Siêu âm phần mềm (một vị trí)                                      | Lần | 90.000     |
| 270 | Siêu âm qua thóp                                                   | Lần | 90.000     |
| 271 | Siêu âm tại giường                                                 | Lần | 90.000     |
| 272 | Siêu âm tinh hoàn hai bên                                          | Lần | 90.000     |
| 273 | Siêu âm tuyến giáp                                                 | Lần | 90.000     |
| 274 | Siêu âm tuyến vú hai bên                                           | Lần | 90.000     |
| 275 | Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng                         | Lần | 90.000     |
| 276 | Siêu âm tử cung phần phụ                                           | Lần | 90.000     |
| 277 | Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)                            | Lần | 90.000     |
| 278 | Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối                                | Lần | 90.000     |
| 279 | Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu                                 | Lần | 90.000     |
| 280 | Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa                                | Lần | 90.000     |
| 281 | Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)                       | Lần | 90.000     |
| 282 | Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm                         | Lần | 1.828.000  |
| 283 | Thay băng [chiều dài $\leq 15\text{cm}$ ]                          | Lần | 128.000    |
| 284 | Nong hẹp van 2 lá bằng bóng Inoue                                  | Lần | 11.000.000 |
| 285 | Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ                                   | Lần | 400.000    |
| 286 | Thăm dò điện sinh lý tim                                           | Lần | 4.735.000  |
| 287 | Thông tim chẩn đoán (dưới DSA)                                     | Lần | 8.500.000  |
| 288 | Thông tim và chụp buồng tim cản quang                              | Lần | 8.500.000  |
| 289 | Lấy sỏi niệu quản qua nội soi                                      | Lần | 4.944.000  |
| 290 | Nội soi bàng quang chẩn đoán (Nội soi bàng quang không sinh thiết) | Lần | 1.525.000  |
| 291 | Nội soi niệu quản chẩn đoán                                        | Lần | 1.925.000  |
| 292 | Nội soi bàng quang để sinh thiết bàng quang đa điểm                | Lần | 2.649.000  |
| 293 | Nội soi bàng quang gấp dị vật bàng quang                           | Lần | 1.893.000  |

|     |                                                                                                                                       |     |            |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 294 | Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang                                                                                             | Lần | 1.893.000  |
| 295 | Nội soi can thiệp - cắt 1 polyp ống tiêu hóa < 1 cm                                                                                   | Lần | 2.038.000  |
| 296 | Nội soi can thiệp - cắt polyp ống tiêu hóa > 1 cm hoặc nhiều polyp                                                                    | Lần | 2.696.000  |
| 297 | Đặt máy tạo nhịp tạm thời với điện cực trong buồng tim                                                                                | Lần | 9.500.000  |
| 298 | Lấy máu tụ trong sọ, ngoài màng cứng, dưới màng cứng, trong não                                                                       | Lần | 8.581.000  |
| 299 | Mổ lấy khối máu tụ nội sọ do chấn thương sọ não phức tạp                                                                              | Lần | 8.581.000  |
| 300 | Phẫu thuật cắt 3/4 dạ dày                                                                                                             | Lần | 13.913.000 |
| 301 | Đóng hậu môn nhân tạo                                                                                                                 | Lần | 13.293.000 |
| 302 | Trích rạch áp xe nhỏ                                                                                                                  | Lần | 1.086.000  |
| 303 | Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống cổ                                                                                          | Lần | 7.498.000  |
| 304 | Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống lưng-thắt lưng                                                                              | Lần | 7.498.000  |
| 305 | Phẫu thuật chỉnh hình lao cột sống cổ có ghép xương tự thân                                                                           | Lần | 9.134.000  |
| 306 | Phẫu thuật chỉnh hình lao cột sống cổ có ghép xương và nẹp vít phía trước                                                             | Lần | 14.197.000 |
| 307 | Phẫu thuật giải ép tủy, thay thế thân đốt sống nhân tạo và cố định lõi trước do lao cột sống cổ                                       | Lần | 13.613.000 |
| 308 | Phẫu thuật giải ép tủy lõi trước có ghép xương tự thân và cố định cột sống lõi sau do lao cột sống ngực, thắt lưng                    | Lần | 14.328.000 |
| 309 | Phẫu thuật giải ép tủy lõi sau, đặt dụng cụ liên thân đốt (cage) và nẹp vít cố định cột sống ngực, thắt lưng do lao                   | Lần | 14.328.000 |
| 310 | Phẫu thuật giải ép tủy, thay thế thân đốt sống nhân tạo và nẹp vít cố định lõi trước do lao cột sống ngực, thắt lưng                  | Lần | 13.613.000 |
| 311 | Phẫu thuật giải ép tủy, thay thế thân đốt sống nhân tạo và nẹp vít cố định lõi sau do lao cột sống ngực, thắt lưng [nẹp vít cột sống] | Lần | 14.328.000 |
| 312 | Phẫu thuật giải ép tủy, thay thế thân đốt sống nhân tạo và nẹp vít cố định lõi sau do lao cột sống ngực, thắt lưng [thay đốt sống]    | Lần | 13.613.000 |
| 313 | Phẫu thuật chỉnh hình gù, vẹo do di chứng lao cột sống                                                                                | Lần | 17.871.000 |

|     |                                                                                         |     |            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 314 | Phẫu thuật tháo bỏ dụng cụ kết hợp xương do lao cột sống                                | Lần | 4.231.000  |
| 315 | Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống ngực                                          | Lần | 7.498.000  |
| 316 | Cắt 1 thùy tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân                     | Lần | 13.166.000 |
| 317 | Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân                                          | Lần | 13.166.000 |
| 318 | Cắt toàn bộ tuyến giáp trong basedow                                                    | Lần | 13.166.000 |
| 319 | Cắt 1 thùy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp                                          | Lần | 10.345.000 |
| 320 | Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp                  | Lần | 14.485.000 |
| 321 | Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp                  | Lần | 14.485.000 |
| 322 | Cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm                             | Lần | 11.468.000 |
| 323 | Cắt 1 thùy tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm    | Lần | 15.560.000 |
| 324 | Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm                         | Lần | 15.560.000 |
| 325 | Cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao siêu âm                         | Lần | 11.468.000 |
| 326 | Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng dao siêu âm                     | Lần | 15.560.000 |
| 327 | Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm                        | Lần | 15.560.000 |
| 328 | Cắt 1 thùy tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm  | Lần | 15.560.000 |
| 329 | Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm | Lần | 16.761.000 |
| 330 | Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm | Lần | 16.761.000 |
| 331 | Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ bằng dao siêu âm                        | Lần | 16.761.000 |
| 332 | Cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân                                     | Lần | 7.772.000  |
| 333 | Cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân                                              | Lần | 10.345.000 |

|     |                                                                                                                                |     |            |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 334 | Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp                                                                                    | Lần | 11.616.000 |
| 335 | Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên                                                                          | Lần | 8.581.000  |
| 336 | Phẫu thuật cố định C1-C2 điều trị mất vững C1-C2                                                                               | Lần | 14.197.000 |
| 337 | Phẫu thuật cố định chấn cổ, ghép xương với mất vững cột sống cổ cao do các nguyên nhân (gãy chân cung, gãy mồm nha, vỡ C1 ...) | Lần | 14.197.000 |
| 338 | Phẫu thuật vít trực tiếp mồm nha trong điều trị gãy mồm nha                                                                    | Lần | 14.197.000 |
| 339 | Buộc vòng cố định C1-C2 lõi sau                                                                                                | Lần | 14.197.000 |
| 340 | Phẫu thuật tạo hình cung sau cột sống cổ trong bệnh lý hẹp ống sống cổ đa tầng                                                 | Lần | 9.250.000  |
| 341 | Kết hợp xương nẹp vít cột sống cổ lõi sau                                                                                      | Lần | 14.197.000 |
| 342 | Phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ                                                                            | Lần | 9.134.000  |
| 343 | Phẫu thuật giải ép, lấy TVĐĐ cột sống cổ đường sau vi phẫu                                                                     | Lần | 13.728.000 |
| 344 | Cắt một phần bản sống trong hẹp ống sống cổ                                                                                    | Lần | 7.498.000  |
| 345 | Phẫu thuật giải ép, ghép xương liên thân đốt và cố định cột sống cổ đường trước                                                | Lần | 13.728.000 |
| 346 | Phẫu thuật thay đĩa đệm nhân tạo cột sống cổ                                                                                   | Lần | 13.728.000 |
| 347 | Phẫu thuật cắt thân đốt sống, ghép xương và cố định cột sống cổ (ACCF)                                                         | Lần | 13.613.000 |
| 348 | Phẫu thuật lấy đĩa đệm, ghép xương và cố định cột sống cổ (ACDF)                                                               | Lần | 14.197.000 |
| 349 | Phẫu thuật cắt chéo thân đốt sống cổ đường trước                                                                               | Lần | 7.498.000  |
| 350 | Phẫu thuật giải ép lỗ liên hợp cột sống cổ đường trước                                                                         | Lần | 7.498.000  |
| 351 | Phẫu thuật trượt bản lẻ cổ chấn                                                                                                | Lần | 14.197.000 |
| 352 | Phẫu thuật nang Tarlov                                                                                                         | Lần | 7.498.000  |
| 353 | Cố định cột sống ngực bằng hệ thống móc                                                                                        | Lần | 14.328.000 |
| 354 | Phẫu thuật mở cung sau cột sống ngực                                                                                           | Lần | 7.498.000  |
| 355 | Lấy đĩa đệm đường sau qua đường cắt xương sườn                                                                                 | Lần | 7.498.000  |

|     |                                                                                                                                      |     |            |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 356 | Tạo hình lồng ngực (cắt các xương sườn ở mặt lõ trong vẹo cột sống để chỉnh hình lồng ngực)                                          | Lần | 17.871.000 |
| 357 | Phẫu thuật chỉnh vẹo cột sống qua đường sau                                                                                          | Lần | 17.871.000 |
| 358 | Phẫu thuật chỉnh gù cột sống qua đường sau                                                                                           | Lần | 17.871.000 |
| 359 | Phẫu thuật chỉnh vẹo cột sống đường trước và hàn khớp                                                                                | Lần | 17.871.000 |
| 360 | Phẫu thuật chỉnh gù cột sống đường trước và hàn khớp                                                                                 | Lần | 17.871.000 |
| 361 | Phẫu thuật lấy đĩa đệm cột sống đường trước                                                                                          | Lần | 7.498.000  |
| 362 | Lấy bỏ thân đốt sống ngực và ghép xương                                                                                              | Lần | 13.613.000 |
| 363 | Lấy bỏ thân đốt sống ngực và đặt lồng titanium                                                                                       | Lần | 14.328.000 |
| 364 | Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng nẹp vít qua cuống lõ sau                                                                       | Lần | 14.328.000 |
| 365 | Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng cố định lõ bên                                                                                 | Lần | 14.328.000 |
| 366 | Đặt nẹp cố định cột sống phía trước và ghép xương (nẹp Kaneda, chữ Z)                                                                | Lần | 14.328.000 |
| 367 | Cố định cột sống và cánh chậu                                                                                                        | Lần | 14.328.000 |
| 368 | Phẫu thuật cố định cột sống bằng vít qua cuống                                                                                       | Lần | 14.328.000 |
| 369 | Phẫu thuật cố định cột sống sử dụng vít loãng xương                                                                                  | Lần | 14.328.000 |
| 370 | Phẫu thuật cố định cột sống sử dụng hệ thống định vị (Navigation)                                                                    | Lần | 14.328.000 |
| 371 | Phẫu thuật cố định bắt vít qua cuống sống sử dụng hệ thống rô-bốt                                                                    | Lần | 13.728.000 |
| 372 | Phẫu thuật cố định cột sống thắt lưng sử dụng hệ thống nẹp bán động                                                                  | Lần | 14.328.000 |
| 373 | Lấy đĩa đệm đốt sống, cố định cột sống và ghép xương liên thân đốt đường trước (xương tự thân có hoặc không có lồng titanium) (ALIF) | Lần | 14.328.000 |
| 374 | Cố định cột sống và hàn khớp qua liên thân đốt cột sống thắt lưng - cùng đường sau (PLIF)                                            | Lần | 14.328.000 |
| 375 | Cố định cột sống và hàn khớp liên thân đốt cột sống thắt lưng - cùng đường sau qua lỗ liên hợp (TLIF)                                | Lần | 14.328.000 |

|     |                                                                                                                             |     |            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 376 | Ghép xương trong phẫu thuật chấn thương cột sống thắt lưng                                                                  | Lần | 9.134.000  |
| 377 | Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng                                                                           | Lần | 7.498.000  |
| 378 | Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng                                                                          | Lần | 7.498.000  |
| 379 | Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu                                                                  | Lần | 8.525.000  |
| 380 | Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng                                                                  | Lần | 8.525.000  |
| 381 | Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix...)      | Lần | 10.134.000 |
| 382 | Phẫu thuật thay đĩa đệm nhân tạo cột sống thắt lưng - cùng                                                                  | Lần | 14.328.000 |
| 383 | Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học qua cuống                                                                   | Lần | 9.913.000  |
| 384 | Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học có bóng                                                                     | Lần | 9.913.000  |
| 385 | Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học có lồng titan                                                               | Lần | 9.913.000  |
| 386 | Bơm ciment qua đường ngoài cuống vào thân đốt sống                                                                          | Lần | 9.913.000  |
| 387 | Phẫu thuật lấy nhân thoát vị đĩa đệm ít xâm lấn sử dụng hệ thống ống nong                                                   | Lần | 13.728.000 |
| 388 | Điều trị thoát vị đĩa đệm qua da dưới hướng dẫn của cắt lớp hoặc cộng hưởng từ                                              | Lần | 2.232.000  |
| 389 | Phẫu thuật lấy đĩa đệm cột sống thắt lưng qua da                                                                            | Lần | 8.525.000  |
| 390 | Phẫu thuật bắt vít qua cuống cột sống thắt lưng qua da                                                                      | Lần | 14.328.000 |
| 391 | Phẫu thuật bắt vít qua cuống cột sống thắt lưng qua da + ghép xương liên thân đốt qua lỗ liên hợp sử dụng hệ thống ống nong | Lần | 14.197.000 |
| 392 | Phẫu thuật vết thương tùy sống                                                                                              | Lần | 13.948.000 |
| 393 | Phẫu thuật vết thương tùy sống kết hợp cố định cột sống                                                                     | Lần | 14.328.000 |
| 394 | Phẫu thuật máu tụ ngoài màng cứng tùy sống                                                                                  | Lần | 8.581.000  |
| 395 | Phẫu thuật máu tụ dưới màng cứng tùy sống                                                                                   | Lần | 8.581.000  |

|     |                                                                                                                 |     |            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 396 | Phẫu thuật vá màng cứng hoặc tạo hình màng cứng                                                                 | Lần | 9.213.000  |
| 397 | Phẫu thuật dẫn lưu máu tụ trong não thất                                                                        | Lần | 8.581.000  |
| 398 | Phẫu thuật giải ép cắt bỏ dây chằng vàng                                                                        | Lần | 7.498.000  |
| 399 | Mở cung sau và cắt bỏ móm khớp dưới                                                                             | Lần | 7.498.000  |
| 400 | Mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ                                                                    | Lần | 7.498.000  |
| 401 | Phẫu thuật giải phóng thần kinh ngoại biên                                                                      | Lần | 7.498.000  |
| 402 | Phẫu thuật cắt hoặc tạo hình cung sau trong điều trị hẹp ống sống                                               | Lần | 7.498.000  |
| 403 | Phẫu thuật nang màng nhện tủy                                                                                   | Lần | 7.498.000  |
| 404 | Phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất                                                                            | Lần | 8.581.000  |
| 405 | Phẫu thuật u xương sọ vòm sọ                                                                                    | Lần | 8.019.000  |
| 406 | Phẫu thuật u da đầu thâm nhiễm xương-màng cứng sọ                                                               | Lần | 8.019.000  |
| 407 | Phẫu thuật giải phóng chèn ép thần kinh tam thoa (dây V) trong đau nửa mặt, bằng đường mở nắp sọ                | Lần | 7.498.000  |
| 408 | Phẫu thuật giải phóng chèn ép thần kinh mặt (dây VII) trong co giật nửa mặt (facial tics), bằng đường mở nắp sọ | Lần | 7.498.000  |
| 409 | Phẫu thuật xử lý vết thương xoang tĩnh mạch sọ                                                                  | Lần | 8.383.000  |
| 410 | Phẫu thuật u thần kinh ngoại biên                                                                               | Lần | 4.818.000  |
| 411 | Phẫu thuật giải phóng chèn ép TK ngoại biên                                                                     | Lần | 4.818.000  |
| 412 | Phẫu thuật mở nắp sọ giải ép trong tăng áp lực nội sọ (do máu tụ, thiếu máu não, phù não)                       | Lần | 8.581.000  |
| 413 | Phẫu thuật u thần kinh trên da [đường kính dưới 5 cm]                                                           | Lần | 6.205.000  |
| 414 | Phẫu thuật u thần kinh trên da [đường kính từ 5 cm trở lên]                                                     | Lần | 10.126.000 |
| 415 | Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi                                                                       | Lần | 11.851.000 |
| 416 | Phẫu thuật đặt catheter vào não thất đo áp lực nội sọ                                                           | Lần | 11.122.000 |

|     |                                                                            |     |            |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 417 | Phẫu thuật đặt catheter vào ống sống thắt lưng đo áp lực dịch não tủy      | Lần | 11.122.000 |
| 418 | Phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN                                 | Lần | 8.581.000  |
| 419 | Phẫu thuật chọc hút áp xe não, bán cầu đại não                             | Lần | 12.343.000 |
| 420 | Phẫu thuật điều trị bệnh suy - giãn tĩnh mạch chi dưới                     | Lần | 11.851.000 |
| 421 | Phẫu thuật chọc hút áp xe não, tiểu não                                    | Lần | 12.343.000 |
| 422 | Phẫu thuật tạo thông động - tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo                | Lần | 12.732.000 |
| 423 | Phẫu thuật cắt u máu lớn (đường kính $\geq 10$ cm)                         | Lần | 12.014.000 |
| 424 | Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính $< 10$ cm)                            | Lần | 12.014.000 |
| 425 | Phẫu thuật lấy bao áp xe não, đại não, bằng đường mở nắp sọ                | Lần | 12.343.000 |
| 426 | Phẫu thuật viêm xương sọ                                                   | Lần | 7.889.000  |
| 427 | Cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ                       | Lần | 13.232.000 |
| 428 | Cắt toàn bộ thận và niệu quản                                              | Lần | 13.232.000 |
| 429 | Cắt thận đơn thuần                                                         | Lần | 13.232.000 |
| 430 | Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)                                       | Lần | 13.232.000 |
| 431 | Lấy sỏi san hô thận                                                        | Lần | 13.098.000 |
| 432 | Lấy sỏi mở bể thận trong xoang                                             | Lần | 13.098.000 |
| 433 | Lấy sỏi bể thận ngoài xoang                                                | Lần | 13.098.000 |
| 434 | Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận                                    | Lần | 6.751.000  |
| 435 | Tạo hình khúc nối bể thận - niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson - Hynes | Lần | 12.044.000 |
| 436 | Cắt u tuyến thượng thận (mô mỡ)                                            | Lần | 15.117.000 |
| 437 | Cắt nối niệu quản                                                          | Lần | 12.044.000 |
| 438 | Lấy sỏi niệu quản đơn thuần                                                | Lần | 12.098.000 |
| 439 | Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại                                 | Lần | 13.098.000 |
| 440 | Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang                                      | Lần | 13.098.000 |
| 441 | Phẫu thuật tụ mù dưới màng cứng                                            | Lần | 12.343.000 |
| 442 | Tạo hình niệu quản do phình to niệu quản                                   | Lần | 12.044.000 |
| 443 | Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản                                       | Lần | 3.917.000  |
| 444 | Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng            | Lần | 13.415.000 |

|     |                                                                                                                            |     |            |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 445 | Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da                                                                                  | Lần | 14.305.000 |
| 446 | Cắm niệu quản bàng quang                                                                                                   | Lần | 11.851.000 |
| 447 | Lấy sỏi bàng quang                                                                                                         | Lần | 12.098.000 |
| 448 | Dẫn lưu nước tiểu bàng quang                                                                                               | Lần | 6.751.000  |
| 449 | Phẫu thuật áp xe dưới màng tử                                                                                              | Lần | 7.498.000  |
| 450 | Cắt nối niệu đạo trước                                                                                                     | Lần | 12.151.000 |
| 451 | Phẫu thuật điều trị viêm xương đốt sống                                                                                    | Lần | 5.887.000  |
| 452 | Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ                                                                                         | Lần | 10.321.000 |
| 453 | Thắt tĩnh mạch tinh trên bẹn                                                                                               | Lần | 6.242.000  |
| 454 | Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn                                                                                        | Lần | 6.242.000  |
| 455 | Phẫu thuật lấy bỏ u mỡ (lipoma) ở vùng đuôi ngựa + đóng thoát vị màng tử hoặc thoát vị tử-màng tử, bằng đường vào phía sau | Lần | 10.245.000 |
| 456 | Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài                                                                                     | Lần | 6.242.000  |
| 457 | Mở thông dạ dày                                                                                                            | Lần | 9.514.000  |
| 458 | Phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị màng tử, bằng đường vào phía sau                      | Lần | 8.414.000  |
| 459 | Phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị tử-màng tử, bằng đường vào phía sau                   | Lần | 8.414.000  |
| 460 | Cắt thực quản, cắt toàn bộ dạ dày, tạo hình thực quản bằng đoạn đại tràng hoặc ruột non                                    | Lần | 16.283.000 |
| 461 | Phẫu thuật cắt bỏ đường rò dưới da - dưới màng tử                                                                          | Lần | 7.498.000  |
| 462 | Mở bẹn thăm dò                                                                                                             | Lần | 9.514.000  |
| 463 | Mở bẹn thăm dò, sinh thiết                                                                                                 | Lần | 9.514.000  |
| 464 | Nối vị tràng                                                                                                               | Lần | 9.664.000  |
| 465 | Cắt toàn bộ dạ dày                                                                                                         | Lần | 16.266.000 |
| 466 | Mở thông hồng tràng hoặc mở thông hồi tràng                                                                                | Lần | 9.514.000  |
| 467 | Phẫu thuật u dưới trong màng tử, ngoài tử, bằng đường vào phía sau hoặc sau - ngoài                                        | Lần | 13.948.000 |
| 468 | Cắt dây chằng, gỡ dính ruột                                                                                                | Lần | 10.498.000 |
| 469 | Tháo xoắn ruột non                                                                                                         | Lần | 10.498.000 |
| 470 | Gỡ dính sau mổ lại                                                                                                         | Lần | 11.498.000 |
| 471 | Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng                                                                               | Lần | 12.293.000 |

|     |                                                                                                            |     |            |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 472 | Nối tắt ruột non - ruột non                                                                                | Lần | 12.293.000 |
| 473 | Cắt mạc nối lớn                                                                                            | Lần | 12.670.000 |
| 474 | Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên<br>lều tiểu não                                                 | Lần | 8.581.000  |
| 475 | Phẫu thuật u rễ thần kinh ngoài màng tùy kèm<br>tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía sau                  | Lần | 13.948.000 |
| 476 | Cắt đoạn đại tràng nối ngay                                                                                | Lần | 13.470.000 |
| 477 | Cắt đoạn đại tràng, đưa 2 đầu đại tràng ra<br>ngoài                                                        | Lần | 13.470.000 |
| 478 | Cắt đoạn đại tràng, đóng đầu dưới, đưa đầu<br>trên ra ngoài ổ bụng kiểu Hartmann                           | Lần | 13.470.000 |
| 479 | Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái nối ngay                                                            | Lần | 13.470.000 |
| 480 | Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đưa 2<br>đầu ruột ra ngoài                                         | Lần | 13.470.000 |
| 481 | Phẫu thuật u trong và ngoài ống sống, không<br>tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía sau<br>hoặc sau-ngoài | Lần | 13.948.000 |
| 482 | Cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non - trực<br>tràng                                                   | Lần | 13.470.000 |
| 483 | Cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra<br>làm hậu môn nhân tạo                                       | Lần | 13.470.000 |
| 484 | Cắt đoạn trực tràng nối ngay                                                                               | Lần | 13.470.000 |
| 485 | Cắt đoạn trực tràng, đóng đầu dưới đưa đầu<br>trên ra ngoài kiểu Hartmann                                  | Lần | 13.470.000 |
| 486 | Phẫu thuật u trong và ngoài ống sống, kèm tái<br>tạo đốt sống, bằng đường vào trước hoặc<br>trước-ngoài    | Lần | 13.948.000 |
| 487 | Phẫu thuật mở cung sau đốt sống đơn thuần<br>kết hợp với tạo hình màng cứng tùy                            | Lần | 7.498.000  |
| 488 | Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ                                                                                   | Lần | 7.562.000  |
| 489 | Cắt u máu tùy sống, dị dạng động tĩnh mạch<br>trong tủy                                                    | Lần | 10.245.000 |
| 490 | Phẫu thuật Longo                                                                                           | Lần | 8.254.000  |
| 491 | Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản                                                                    | Lần | 7.562.000  |
| 492 | Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp                                                                    | Lần | 7.562.000  |
| 493 | Phẫu thuật cố định cột sống, lấy u có ghép<br>xương hoặc lồng titan [cột sống cổ]                          | Lần | 14.197.000 |
| 494 | Phẫu thuật cố định cột sống, lấy u có ghép<br>xương hoặc lồng titan [cột sống thắt lưng]                   | Lần | 14.328.000 |
| 495 | Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)                                                               | Lần | 6.242.000  |

|     |                                                                                                        |     |            |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 496 | Thăm dò, sinh thiết gan                                                                                | Lần | 9.514.000  |
| 497 | Cắt gan phân thùy sau                                                                                  | Lần | 17.133.000 |
| 498 | Phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng trong dẫn não thất                                                  | Lần | 11.122.000 |
| 499 | Cắt thùy gan trái                                                                                      | Lần | 17.133.000 |
| 500 | Cắt gan nhỏ                                                                                            | Lần | 17.133.000 |
| 501 | Cắt gan lớn                                                                                            | Lần | 17.133.000 |
| 502 | Lấy bỏ u gan                                                                                           | Lần | 17.133.000 |
| 503 | Phẫu thuật dẫn lưu nang dưới nhện nội sọ-ổ bụng                                                        | Lần | 11.122.000 |
| 504 | Cắt túi mật                                                                                            | Lần | 11.523.000 |
| 505 | Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật                                                    | Lần | 13.499.000 |
| 506 | Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi tán sỏi đường mật                                            | Lần | 13.499.000 |
| 507 | Phẫu thuật mở thông não thất, mở thông nang dưới nhện qua mở nắp sọ                                    | Lần | 7.498.000  |
| 508 | Phẫu thuật lấy bỏ dẫn lưu não thất (ổ bụng, tâm nhĩ) hoặc dẫn lưu nang dịch não tủy (ổ bụng, não thất) | Lần | 11.122.000 |
| 509 | Cắt khối tá tụy                                                                                        | Lần | 19.817.000 |
| 510 | Cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách                                                                         | Lần | 13.485.000 |
| 511 | Cắt lách do chấn thương                                                                                | Lần | 13.472.000 |
| 512 | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein                                         | Lần | 10.258.000 |
| 513 | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn                                                                       | Lần | 10.258.000 |
| 514 | Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng                                                         | Lần | 10.258.000 |
| 515 | Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác                                                           | Lần | 10.258.000 |
| 516 | Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn                                                            | Lần | 8.965.000  |
| 517 | Phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)                                                | Lần | 11.851.000 |
| 518 | Phẫu thuật cắt u thành bụng                                                                            | Lần | 8.965.000  |
| 519 | Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não                  | Lần | 8.581.000  |
| 520 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn                                                                 | Lần | 8.750.000  |
| 521 | Phẫu thuật mở nắp sọ sinh thiết tổn thương nội sọ                                                      | Lần | 7.498.000  |
| 522 | Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cùng đòn                                                            | Lần | 8.750.000  |

|     |                                                                        |     |           |
|-----|------------------------------------------------------------------------|-----|-----------|
| 523 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay | Lần | 8.750.000 |
| 524 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay                       | Lần | 8.750.000 |
| 525 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay phức tạp              | Lần | 8.750.000 |
| 526 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu xương cánh tay               | Lần | 8.750.000 |
| 527 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng tay                     | Lần | 8.750.000 |
| 528 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới    | Lần | 8.750.000 |
| 529 | Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay                    | Lần | 5.963.000 |
| 530 | Phẫu thuật dị dạng cổ chẩm                                             | Lần | 9.213.000 |
| 531 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên mấu chuyển xương đùi                 | Lần | 8.750.000 |
| 532 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi                            | Lần | 8.750.000 |
| 533 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương đùi                    | Lần | 8.750.000 |
| 534 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên và liên lồi cầu xương đùi            | Lần | 8.750.000 |
| 535 | Phẫu thuật thoát vị não màng não vòm sọ                                | Lần | 8.414.000 |
| 536 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi phức tạp                   | Lần | 8.750.000 |
| 537 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy Hoffa đầu dưới xương đùi                  | Lần | 8.750.000 |
| 538 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè                                  | Lần | 7.985.000 |
| 539 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp                   | Lần | 7.985.000 |
| 540 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày ngoài                            | Lần | 8.750.000 |
| 541 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày + thân xương chày                | Lần | 8.750.000 |
| 542 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương chày                           | Lần | 8.750.000 |
| 543 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng chân                    | Lần | 8.750.000 |
| 544 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)               | Lần | 8.750.000 |
| 545 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 mắt cá cổ chân                          | Lần | 8.750.000 |

|     |                                                                                               |     |            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 546 | Phẫu thuật thoát vị tùy-màng tùy                                                              | Lần | 8.414.000  |
| 547 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật đốt bàn ngón chân                                           | Lần | 7.985.000  |
| 548 | Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính                                                 | Lần | 8.581.000  |
| 549 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn ngón tay                                           | Lần | 8.750.000  |
| 550 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương quay                                              | Lần | 8.750.000  |
| 551 | Phẫu thuật u máu thể hang (cavernoma) đại não                                                 | Lần | 15.653.000 |
| 552 | Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay                                                      | Lần | 4.318.000  |
| 553 | Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ                                           | Lần | 4.818.000  |
| 554 | Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay                                          | Lần | 4.818.000  |
| 555 | Phẫu thuật u máu thể hang tiểu não                                                            | Lần | 15.653.000 |
| 556 | Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng                                     | Lần | 7.570.000  |
| 557 | Phẫu thuật nối động mạch trong-ngoài sọ                                                       | Lần | 10.121.000 |
| 558 | Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên                                         | Lần | 8.581.000  |
| 559 | Phẫu thuật thay toàn bộ khớp háng                                                             | Lần | 12.122.000 |
| 560 | Phẫu thuật thay khớp háng bán phần [tạo hình]                                                 | Lần | 9.250.000  |
| 561 | Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương                                                       | Lần | 3.731.000  |
| 562 | Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu...)                                           | Lần | 4.818.000  |
| 563 | Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết                                                          | Lần | 5.887.000  |
| 564 | Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn                         | Lần | 480.000    |
| 565 | Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 10% diện tích cơ thể] | Lần | 312.000    |
| 566 | Cắt các u lành tuyến giáp                                                                     | Lần | 8.784.000  |
| 567 | Cắt các u nang giáp móng                                                                      | Lần | 9.133.000  |
| 568 | Cắt u tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII                                                | Lần | 10.623.000 |
| 569 | Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm                                        | Lần | 3.705.000  |

|     |                                                                                           |     |            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 570 | Cắt bán phần hoặc gần toàn bộ dạ dày cực dưới do ung thư kèm vét hạch hệ thống Di hoặc D2 | Lần | 13.913.000 |
| 571 | Cắt nang thờng tinh một bên                                                               | Lần | 8.784.000  |
| 572 | Cắt nang thờng tinh hai bên                                                               | Lần | 10.754.000 |
| 573 | Cắt u lành dương vật                                                                      | Lần | 8.965.000  |
| 574 | Cắt u vú lành tính [ $>5\text{cm}$ ]                                                      | Lần | 10.862.000 |
| 575 | Cắt u vú lành tính [ $2-5\text{cm}$ ]                                                     | Lần | 7.862.000  |
| 576 | Cắt u vú lành tính [ $<2\text{cm}$ ]                                                      | Lần | 5.862.000  |
| 577 | Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú                                                          | Lần | 10.862.000 |
| 578 | Phẫu thuật cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách                                          | Lần | 13.803.000 |
| 579 | Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay                                               | Lần | 13.803.000 |
| 580 | Cắt u nang buồng trứng                                                                    | Lần | 9.944.000  |
| 581 | Cắt u nang buồng trứng và phần phụ                                                        | Lần | 9.944.000  |
| 582 | Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ                                    | Lần | 9.944.000  |
| 583 | Cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vét hạch chậu                                        | Lần | 15.145.000 |
| 584 | Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung            | Lần | 15.111.000 |
| 585 | Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm                                  | Lần | 10.126.000 |
| 586 | Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5 cm                  | Lần | 11.754.000 |
| 587 | Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm                                                  | Lần | 6.784.000  |
| 588 | Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm                                                  | Lần | 4.784.000  |
| 589 | Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 3cm                                                   | Lần | 2.784.000  |
| 590 | Cắt u lành phần mềm đường kính 3-6cm                                                      | Lần | 3.784.000  |
| 591 | Cắt u nang bao hoạt dịch (khoeo chân)                                                     | Lần | 6.206.000  |
| 592 | Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, cổ chân)                                                | Lần | 4.206.000  |
| 593 | Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam                                                           | Lần | 10.862.000 |
| 594 | Cắt u xương, sụn                                                                          | Lần | 5.746.000  |
| 595 | Truyền hóa chất tĩnh mạch [ngoại trú]                                                     | Lần | 1.107.000  |
| 596 | Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm                                   | Lần | 10.234.000 |

|     |                                                                                                  |     |            |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 597 | Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm                                                  | Lần | 3.705.000  |
| 598 | Cắt u sắc tố vùng hàm mặt                                                                        | Lần | 9.234.000  |
| 599 | Cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm                                                | Lần | 10.126.000 |
| 600 | Cắt u tuyến nước bọt dưới hàm                                                                    | Lần | 12.144.000 |
| 601 | Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm                                             | Lần | 7.334.000  |
| 602 | Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm                                             | Lần | 3.334.000  |
| 603 | Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 1 cm                                             | Lần | 2.334.000  |
| 604 | Phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn                | Lần | 15.130.000 |
| 605 | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn                                                         | Lần | 11.876.000 |
| 606 | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối                                                 | Lần | 11.876.000 |
| 607 | Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung                                                              | Lần | 10.355.000 |
| 608 | Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ                                                                  | Lần | 14.071.000 |
| 609 | Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ                                                 | Lần | 14.071.000 |
| 610 | Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ                                                         | Lần | 14.071.000 |
| 611 | Tiêm nội nhãn                                                                                    | Lần | 1.000.000  |
| 612 | Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)                                                            | Lần | 2.500.000  |
| 613 | Điều trị glôcôm bằng laser mỏng mắt chu biên                                                     | Lần | 750.000    |
| 614 | Điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...) | Lần | 1.000.000  |
| 615 | Mở bao sau đục bằng laser                                                                        | Lần | 750.000    |
| 616 | Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (phaco) có hoặc không đặt IOL                   | Lần | 5.154.000  |
| 617 | Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa | Lần | 2.500.000  |
| 618 | Phẫu thuật cắt xoang hơi cuốn mũi giữa                                                           | Lần | 5.873.000  |
| 619 | Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới                                                      | Lần | 5.873.000  |

|     |                                                                                                 |     |            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 620 | Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi                                                     | Lần | 7.188.000  |
| 621 | Nâng xương chính mũi sau chấn thương [gây mê]                                                   | Lần | 5.672.000  |
| 622 | Phẫu thuật chỉnh hình họng màn hầu lưỡi gà (UPPP)                                               | Lần | 10.159.000 |
| 623 | Phẫu thuật cắt Amidan [dao điện]                                                                | Lần | 4.648.000  |
| 624 | Phẫu thuật cắt u Amidan [dao điện]                                                              | Lần | 4.648.000  |
| 625 | Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amidan (gây mê)                                              | Lần | 4.814.000  |
| 626 | Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng dụng cụ cắt hút [Hummer]                                         | Lần | 3.574.000  |
| 627 | Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/hở lưỡi thanh thiệt                                       | Lần | 6.002.000  |
| 628 | Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê) | Lần | 7.955.000  |
| 629 | Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng dụng cụ cắt hút                              | Lần | 10.159.000 |
| 630 | Phẫu thuật cắt u sàn miệng                                                                      | Lần | 4.415.000  |
| 631 | Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má                                                               | Lần | 1.954.000  |
| 632 | Phẫu thuật cắt u lưỡi phần lưỡi di động                                                         | Lần | 9.133.000  |
| 633 | Phẫu thuật cắt thùy nông tuyến mang tai, bảo tồn dây VII                                        | Lần | 13.623.000 |
| 634 | Phẫu thuật khối u khoang bên họng                                                               | Lần | 9.659.000  |
| 635 | Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe                                                             | Lần | 11.002.000 |
| 636 | Phẫu thuật cắt u da vùng mặt                                                                    | Lần | 9.627.000  |
| 637 | Phẫu thuật cắt u da vùng mặt >1- 3cm                                                            | Lần | 5.627.000  |
| 638 | Phẫu thuật cắt u da vùng mặt < 1 cm                                                             | Lần | 3.627.000  |
| 639 | Vá nhĩ đơn thuần                                                                                | Lần | 7.720.000  |
| 640 | Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu da tai                                               | Lần | 7.334.000  |
| 641 | Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu da tai dưới 3 cm                                     | Lần | 3.334.000  |
| 642 | Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu da tai dưới 1cm                                      | Lần | 2.334.000  |
| 643 | Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng                                                                | Lần | 7.955.000  |

|     |                                                                 |     |            |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 644 | Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm                                 | Lần | 7.955.000  |
| 645 | Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm                                | Lần | 5.873.000  |
| 646 | Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi [gây mê]                       | Lần | 3.663.000  |
| 647 | Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm           | Lần | 13.042.000 |
| 648 | Phẫu thuật cắt u nang răng sinh, u nang sàn mũi                 | Lần | 4.415.000  |
| 649 | Phẫu thuật nội soi cắt u mũi xoang                              | Lần | 17.019.000 |
| 650 | Phẫu thuật nội soi cắt u vùng vòm mũi họng                      | Lần | 5.814.000  |
| 651 | Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi                   | Lần | 4.415.000  |
| 652 | Phẫu thuật nhổ răng ngầm                                        | Lần | 1.207.000  |
| 653 | Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng    | Lần | 1.342.000  |
| 654 | Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt           | Lần | 9.167.000  |
| 655 | Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm                           | Lần | 2.002.000  |
| 656 | Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm                            | Lần | 1.828.000  |
| 657 | Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm                 | Lần | 1.828.000  |
| 658 | Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm            | Lần | 2.597.000  |
| 659 | Thông tim chẩn đoán (dưới DSA)                                  | Lần | 8.500.000  |
| 660 | Phẫu thuật nội soi cắt dạ dày không điển hình                   | Lần | 16.090.000 |
| 661 | Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1α      | Lần | 16.590.000 |
| 662 | Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải                           | Lần | 14.241.000 |
| 663 | Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải + nạo vét hạch            | Lần | 14.816.000 |
| 664 | Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang                          | Lần | 14.241.000 |
| 665 | Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang + nạo vét hạch           | Lần | 14.816.000 |
| 666 | Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái+ nạo vét hạch             | Lần | 14.816.000 |
| 667 | Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông                      | Lần | 14.241.000 |
| 668 | Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông+ nạo vét hạch        | Lần | 14.816.000 |
| 669 | Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng                           | Lần | 14.241.000 |
| 670 | Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng + hậu môn nhân tạo | Lần | 14.241.000 |

|     |                                                                                         |     |            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 671 | Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng+ nạo vét hạch                                | Lần | 14.816.000 |
| 672 | Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp+ nạo vét hạch                                    | Lần | 14.816.000 |
| 673 | Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngã bụng và tầng sinh môn + nạo vét hạch | Lần | 14.816.000 |
| 674 | Phẫu thuật nội soi cắt túi mật                                                          | Lần | 10.093.000 |
| 675 | Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 1 bên                               | Lần | 15.670.000 |
| 676 | Phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc                                                   | Lần | 14.316.000 |
| 677 | Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn dư                                                 | Lần | 11.167.000 |
| 678 | Phẫu thuật nội soi sinh thiết u trong ổ bụng                                            | Lần | 7.956.000  |
| 679 | Phẫu thuật nội soi cắt thận tận gốc                                                     | Lần | 14.816.000 |
| 680 | Phẫu thuật nội soi cắt chòm nang thận sau phúc mạc                                      | Lần | 13.670.000 |
| 681 | Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc mạc                                           | Lần | 13.670.000 |
| 682 | Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận                                         | Lần | 13.027.000 |
| 683 | Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản                                                    | Lần | 13.027.000 |
| 684 | Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản                                       | Lần | 13.027.000 |
| 685 | Nội soi nông niệu quản hẹp                                                              | Lần | 3.917.000  |
| 686 | Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản                                         | Lần | 10.279.000 |
| 687 | Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản                                         | Lần | 13.027.000 |
| 688 | Nội soi xé cổ bàng quang điều trị xơ cứng cổ bàng quang                                 | Lần | 11.167.000 |
| 689 | Nội soi bàng quang tán sỏi                                                              | Lần | 10.779.000 |
| 690 | Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi                                     | Lần | 13.950.000 |
| 691 | Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính                                                 | Lần | 14.044.000 |
| 692 | Nội soi tán sỏi niệu đạo                                                                | Lần | 7.956.000  |
| 693 | Nội soi cắt u niệu đạo, van niệu đạo                                                    | Lần | 7.956.000  |
| 694 | Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung                                                     | Lần | 15.116.000 |
| 695 | Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng                                                   | Lần | 14.071.000 |
| 696 | Phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống thất lưng qua đường liên bản sống              | Lần | 13.948.000 |

|     |                                                                                     |     |            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------|
| 697 | Phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống thất lưng qua lỗ liên hợp                  | Lần | 11.250.000 |
| 698 | Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt                                                  | Lần | 5.998.000  |
| 699 | Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ                                 | Lần | 11.325.000 |
| 700 | Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít            | Lần | 8.750.000  |
| 701 | Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật                                      | Lần | 6.686.000  |
| 702 | Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cằm bằng ghép da tự thân                     | Lần | 11.228.000 |
| 703 | Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng+ nạo vét hạch                                 | Lần | 14.816.000 |
| 704 | Phẫu thuật tạo thông động - tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo [gây tê]                | Lần | 10.617.881 |
| 705 | Lấy sỏi bàng quang [gây tê]                                                         | Lần | 10.961.869 |
| 706 | Dẫn lưu nước tiểu bàng quang [gây tê]                                               | Lần | 7.255.945  |
| 707 | Cắt bỏ tinh hoàn [gây tê]                                                           | Lần | 8.814.685  |
| 708 | Cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn [gây tê]                                      | Lần | 7.961.025  |
| 709 | Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ [gây tê]                                                   | Lần | 6.961.025  |
| 710 | Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson) [gây tê] | Lần | 7.961.025  |
| 711 | Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng [gây tê]                                            | Lần | 7.961.025  |
| 712 | Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản [gây tê]                                    | Lần | 6.961.025  |
| 713 | Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp [gây tê]                                    | Lần | 6.961.025  |
| 714 | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein [gây tê]             | Lần | 10.484.005 |
| 715 | Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn [gây tê]                                           | Lần | 9.484.005  |
| 716 | Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác [gây tê]                               | Lần | 9.484.005  |
| 717 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè [gây tê]                                      | Lần | 7.154.683  |
| 718 | Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật đốt bàn ngón chân [gây tê]                        | Lần | 7.154.683  |
| 719 | Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng [gây tê]                  | Lần | 6.749.080  |



|     |                                                                    |      |            |
|-----|--------------------------------------------------------------------|------|------------|
| 720 | Phẫu thuật đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng chu kỳ [gây tê]    | Lần  | 14.587.681 |
| 721 | Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú [gây tê]                          | Lần  | 10.213.991 |
| 722 | Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam [gây tê]                           | Lần  | 10.213.991 |
| 723 | Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi [gây tê]                            | Lần  | 4.628.167  |
| 724 | Nội soi bàng quang cắt u [gây tê]                                  | Lần  | 14.110.513 |
| 725 | Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ [gây tê]           | Lần  | 7.910.305  |
| 726 | Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ dưới 10 cm[gây tê] | Lần  | 3.910.305  |
| 727 | Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ dưới 5cm[gây tê]   | Lần  | 2.910.305  |
| 728 | Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng gây tê NMC                   | Lần  | 2.400.000  |
| 729 | Dịch vụ chăm sóc người bệnh toàn diện                              | Ngày | 300.000    |
| 730 | Dịch vụ chăm sóc ngừa loét                                         | Ngày | 100.000    |